

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 28 /SAVINA/CV/2020

V/v: Công bố thông tin BCTC Quý 1/2020

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Kính gửi:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tiến Bình
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2020

Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT

M.S.D.N. 0109826
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÁCH
VIỆT NAM
C.T.P.
CAO TIẾN BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 29 /SAVINA/CV/2020

V/v: Giải trình chênh lệch BCTC Quý 1 năm 2020

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Kính gửi:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
 2. Mã chứng khoán : VNB
 3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
 4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
 5. Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tiến Bình
 6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
 7. Nội dung của thông tin công bố:
 - Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước: Xem Bản giải trình biến động Kết quả Kinh doanh Báo cáo Tài chính Quý 1/2020 dưới đây.
 8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>
- Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBT



CAO TIẾN BÌNH

BẢN GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

Mã số	Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2020	Quý 1 năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ % chênh lệch
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.880.027.345	7.551.816.920	(671.789.575)	-9%
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	6.880.027.345	7.551.816.920	(671.789.575)	-9%
11	4. Giá vốn hàng bán	4.222.481.012	4.534.331.536	(311.850.524)	-7%
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	2.657.546.333	3.017.485.384	(359.939.051)	-12%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.296.270.716	67.673.169.652	(52.376.898.936)	-77%
22	7. Chi phí tài chính	9.052.683	(54.609.461)	63.662.144	317%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay				
25	8. Chi phí bán hàng	1.269.088.609	1.238.248.210	30.840.399	2%
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.632.853.429	4.497.828.154	135.025.275	3%
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	12.042.822.328	65.009.188.133	(52.966.365.805)	-81%
31	11. Thu nhập khác	44.020.413	79.248.294	(35.227.881)	-44%
32	12. Chi phí khác				
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	44.020.413	79.248.294	(35.227.881)	-44%
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	12.086.842.741	65.088.436.427	(53.001.593.686)	-81%
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.438.637.330	13.024.639.972	(10.586.002.642)	-81%
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	9.648.205.411	52.063.796.455	(42.415.591.044)	-81%

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên

- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế Quý 1 năm 2020 là: 9.648 triệu đồng, giảm 81% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân do:
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 672 triệu đồng, giá vốn giảm 312 triệu đồng nên lợi nhuận gộp giảm 360 triệu đồng, tương đương giảm 12%.
 - Doanh thu hoạt động tài chính giảm 52.377 triệu đồng, tương đương giảm 77%.
 - Chi phí tài chính tăng 63,6 triệu đồng.
 - Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 165,9 triệu đồng, tương đương tăng 3%.
 - Chi phí thuế TNDN giảm 10.586 triệu đồng, tương đương giảm 81%.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Báo cáo tài chính

Quý 1 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	2
Báo cáo của Ban giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 23

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 04 năm 2016; thay đổi lần thứ 3 vào ngày 23 tháng 05 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty là kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên
Bà Trần Thanh Mai	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Xiêm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Cao Tiến Bình	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 17/05/2018
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 06/05/2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty vào ngày lập báo cáo này là ông Cao Tiến Bình.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho Quý 1 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 04 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2020	Ngày 01 tháng 01 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		848.019.538.548	838.862.916.449
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	4.699.626.577	2.086.461.938
111	1. Tiền		2.999.626.577	2.086.461.938
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.700.000.000	
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	171.500.000.000	176.500.000.000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2.1	171.500.000.000	176.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.3	662.680.933.281	651.233.844.585
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3.1	1.919.969.603	2.925.980.876
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3.2	471.096.013	413.333.333
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.3.3	550.000.000.000	550.000.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.3.4	110.289.867.665	97.892.122.016
139	9. Tài sản thiếu chờ xử lý			2.408.360
140	IV. Hàng tồn kho	V.4	9.108.459.392	9.042.609.926
141	1. Hàng tồn kho		10.027.150.696	10.205.755.822
149	9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(918.691.304)	(1.163.145.896)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		30.519.298	
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		30.519.298	
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.370.783.011	27.975.199.714
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		135.000.000	135.000.000
216	6. Phải thu dài hạn khác		135.000.000	135.000.000
220	II. Tài sản cố định	V.5	6.876.079.683	7.127.595.990
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.5.1	6.800.209.931	7.040.152.889
222	- Nguyên giá		21.195.260.896	21.195.260.896
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(14.395.050.965)	(14.155.108.007)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.5.2	75.869.752	87.443.101
228	- Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(155.597.248)	(144.023.899)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.6	9.543.518.029	9.865.219.891
231	- Nguyên giá		30.568.731.091	30.568.731.091
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(21.025.213.062)	(20.703.511.200)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.7	6.000.000.000	6.000.000.000
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.000.000.000	6.000.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2.2	4.322.500.000	4.322.500.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.322.500.000	4.322.500.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác	V.8	493.685.299	524.883.833
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		493.685.299	524.883.833
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		875.390.321.559	866.838.116.163

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)


Ngày 31 tháng 03 năm 2020


Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2020	Ngày 01 tháng 01 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		17.738.131.966	18.834.131.981
310	I. Nợ ngắn hạn	V.9	17.056.631.966	18.487.631.981
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9.1	7.704.224.159	9.712.506.700
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.9.2	48.869.341	302.057.583
313	3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	V.9.3	6.514.452.648	6.270.213.519
314	4. Phải trả người lao động	V.9.4	126.809.598	1.097.799.112
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.9.5	1.914.947.803	131.380.000
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.9.6	499.387.030	564.255.067
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.9.7	247.941.387	409.420.000
330	II. Nợ dài hạn	V.10	681.500.000	346.500.000
337	7. Phải trả dài hạn khác		681.500.000	346.500.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		857.652.189.593	848.003.984.182
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.11	857.652.189.593	848.003.984.182
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.821.151.584	71.821.151.584
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(160.500.000)	(160.500.000)
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		106.891.938.009	97.243.732.598
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		97.243.732.598	97.243.732.598
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		9.648.205.411	
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		875.390.321.559	866.838.116.163



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 04 năm 2020


Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng


Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B02-DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 1 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

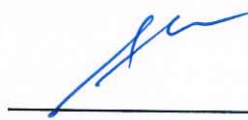
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 1 năm 2020	Quý 1 năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.880.027.345	7.551.816.920
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	VI.1	6.880.027.345	7.551.816.920
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	4.222.481.012	4.534.331.536
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		2.657.546.333	3.017.485.384
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	15.296.270.716	67.673.169.652
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	9.052.683	(54.609.461)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay			
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	1.269.088.609	1.238.248.210
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	4.632.853.429	4.497.828.154
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		12.042.822.328	65.009.188.133
31	11. Thu nhập khác	VI.7	44.020.413	79.248.294
32	12. Chi phí khác			
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		44.020.413	79.248.294
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		12.086.842.741	65.088.436.427
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.8	2.438.637.330	13.024.639.972
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		9.648.205.411	52.063.796.455
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.9	142	767
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		142	767



Nguyễn Thị Minh

Người lập

Ngày 20 tháng 04 năm 2020



Đặng Xuân Ánh

Kế toán trưởng



Cao Tiến Bình


Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

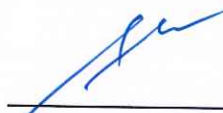
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Lợi nhuận trước thuế		12.086.842.741	65.088.436.427
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		573.218.169	576.250.125
03	Các khoản dự phòng		(244.454.592)	(59.625.841)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.296.270.716)	(67.672.126.244)
08	Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.880.664.398)	(2.067.065.533)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		809.192.554	912.609.394
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		178.605.126	(106.116.955)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(1.680.415.108)	(1.482.795.740)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		31.198.534	(9.612.154)
15	- Thuế TNDN đã nộp		(1.854.222.237)	(3.830.573.940)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.396.305.529)	(6.583.554.928)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(32.000.000.000)	(77.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		37.000.000.000	25.500.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	15.340.360.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.009.470.168	54.163.331.725
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8.009.470.168	18.003.691.725
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		2.613.164.639	11.420.136.797
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.086.461.938	1.155.196.184
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)		4.699.626.577	12.575.332.981



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 04 năm 2020



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng




Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 4 năm 2016; thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 05 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2020 là: 60 người (ngày 31/03/2019: 63 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh

(Tiếp theo)

doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Công ty lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020 theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm sách, văn hóa phẩm, nguyên vật liệu ...

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời ...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

6. Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	26 - 39	năm
Các công trình kiến trúc khác	10 - 20	năm
Máy móc và thiết bị	5 - 19	năm
Phương tiện vận tải	5 - 12	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8	năm
Phần mềm máy tính	5	năm
Bản quyền	4 - 8	năm

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Nhà cửa	26 - 39	năm
Máy móc, thiết bị	5 - 19	năm

Tài sản cố định hữu hình chuyển sang bất động sản đầu tư theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13/10/2016. Tỷ lệ phân bổ theo diện tích cho thuê trên tổng diện tích.

8. Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cụ thể như sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

(Tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán sách và văn hóa phẩm

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh sách, văn hóa phẩm và lịch Bloc, doanh thu dịch vụ cho thuê nhà, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

15. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

(Tiếp theo)

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2020	01/01/2020
Tiền mặt	259.496.603	53.016.309
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.740.129.974	2.033.445.629
Các khoản tương đương tiền	1.700.000.000	-
Tổng	4.699.626.577	2.086.461.938

2. Đầu tư tài chính**2.1 - Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	171.500.000.000	171.500.000.000	176.500.000.000	176.500.000.000
Tổng	171.500.000.000	171.500.000.000	176.500.000.000	176.500.000.000

2.2 - Đầu tư tài chính dài hạn*Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Công ty cổ phần in Sách Việt Nam

- Giá gốc khoản đầu tư

- Dự phòng

- Giá trị hợp lý

Tổng

	31/03/2020	01/01/2020
	4.322.500.000	4.322.500.000
	-	-
	4.322.500.000	4.322.500.000
Tổng	4.322.500.000	4.322.500.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn**3.1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng

Trong đó:

*Công ty cổ phần in Sách Việt Nam**Công ty CPPHS TP HCM-TT Fahasa HN**Các đối tượng khác***Tổng**

	31/03/2020	01/01/2020
	1.919.969.603	2.925.980.876
	871.947.796	435.973.898
	204.235.200	112.354.550
	843.786.607	2.377.652.428
Tổng	1.919.969.603	2.925.980.876

3.2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước ngắn hạn cho người bán

Trong đó

*Bản quyền sách Almanach**Các đối tượng khác***Tổng**

	31/03/2020	01/01/2020
	471.096.013	413.333.333
	413.333.333	413.333.333
	57.762.680	-
Tổng	471.096.013	413.333.333

3.3 - Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	550.000.000.000	550.000.000.000	550.000.000.000	550.000.000.000
Tổng	550.000.000.000	550.000.000.000	550.000.000.000	550.000.000.000

(*) Đây là khoản cho một doanh nghiệp vay theo hợp đồng số 01/2018/HĐCV/SAVINA-VIETAN thời hạn cho vay 1 năm từ ngày 17/01/2018 với lãi suất 9%/năm. Hợp đồng cho vay này được gia hạn thêm và sẽ đáo hạn trong tháng 7 năm 2020

3.4 - Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2020	01/01/2020
Tạm ứng cho nhân viên	135.500.000	24.554.899
Phải thu ngắn hạn khác	110.154.367.665	97.867.567.117
- Phải thu lãi cho vay	106.684.931.505	94.343.835.615
- Phải thu lãi tiền gửi	3.469.436.160	3.523.731.502
Tổng	110.289.867.665	97.892.122.016

4. Hàng tồn kho

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Nguyên liệu, vật liệu	28.731.623	28.731.623	28.731.623	28.731.623
Hàng hóa	9.827.656.146	8.908.964.842	10.007.141.818	8.843.995.922
Hàng gửi bán	170.762.927	170.762.927	169.882.381	169.882.381
Tổng	10.027.150.696	9.108.459.392	10.205.755.822	9.042.609.926

5. Tài sản cố định

5.1 - Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	17.117.521.633	913.524.181	3.164.215.082	21.195.260.896
Số cuối kỳ	17.117.521.633	913.524.181	3.164.215.082	21.195.260.896
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	10.359.625.640	811.149.386	2.984.332.981	14.155.108.007
KH trong kỳ	194.382.411	16.467.465	29.093.082	239.942.958
Số cuối kỳ	10.554.008.051	827.616.851	3.013.426.063	14.395.050.965
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	6.757.895.993	102.374.795	179.882.101	7.040.152.889
Số cuối kỳ	6.563.513.582	85.907.330	150.789.019	6.800.209.931

5.2 – Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Phần mềm máy tính
Số đầu kỳ	231.467.000
Số cuối kỳ	231.467.000
Giá trị hao mòn trong kỳ	
Số đầu kỳ	144.023.899
Hao mòn trong kỳ	11.573.349
Số cuối kỳ	<u>155.597.248</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	87.443.101
Số cuối kỳ	75.869.752

6. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	27.247.468.212	-	3.321.262.879	30.568.731.091
Số cuối kỳ	27.247.468.212	-	3.321.262.879	30.568.731.091
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	17.539.817.278	-	3.163.693.922	20.703.511.200
KH trong kỳ	290.655.828	-	31.046.034	321.701.862
Số cuối kỳ	17.830.473.106	-	3.194.739.956	21.025.213.062
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	9.707.650.934	-	157.568.957	9.865.219.891
Số cuối kỳ	9.416.995.106	-	126.522.923	9.543.518.029

7. Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giải phóng mặt bằng	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN

8. Tài sản dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	301.165.853	324.733.194
Chi phí sửa chữa	154.631.288	155.092.610
Chi phí trả trước dài hạn khác	37.888.158	45.058.029
Tổng	493.685.299	524.883.833

9. Nợ ngắn hạn

9.1 – Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	7.704.224.159	7.704.224.159	9.712.506.700	9.712.506.700
Trong đó				
- NXB Cambridge (Anh)	1.780.672.112	1.780.672.112	2.147.416.112	2.147.416.112
Các đối tượng khác	5.923.552.047	5.923.552.047	7.565.090.588	7.565.090.588
Tổng	7.704.224.159	7.704.224.159	9.712.506.700	9.712.506.700

9.2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2020	01/01/2020
Người mua trả tiền trước	48.869.341	302.057.583
Tổng	48.869.341	302.057.583

9.3 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau

	31/03/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	01/01/2020
Thuế TNDN	6.485.565.873	2.438.637.330	1.854.222.237	5.901.150.780
Thuế thu nhập cá nhân	28.886.775	138.212.095	192.144.685	82.819.365
Thuế GTGT phải nộp	-	233.054.393	519.297.767	286.243.374
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	21.310.283	21.310.283	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế, phí khác	-	158.077.814	158.077.814	-
Tổng	6.514.452.648	2.992.291.915	2.748.052.786	6.270.213.519

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN

9.4 - Phải trả người lao động	31/03/2020	01/01/2020
Phải trả người lao động	126.809.598	1.097.799.112
Tổng	126.809.598	1.097.799.112
9.5 – Chi phí phải trả ngắn hạn	31/03/2020	01/01/2020
Chi phí trích trước	151.540.000	131.380.000
Phải trả tiền thuê nhà và đất	1.763.407.803	-
Tổng	1.914.947.803	131.380.000
9.6 – Doanh thu chưa thực hiện	31/03/2020	01/01/2020
Doanh thu hoãn lại, chưa thực hiện	499.387.030	564.255.067
Tổng	499.387.030	564.255.067
9.7 - Phải trả ngắn hạn khác	31/03/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	40.641.387	-
Đặt cọc ngắn hạn	207.300.000	409.420.000
Tổng	247.941.387	409.420.000
10. Nợ dài hạn		
Phải trả dài hạn khác	31/03/2020	01/01/2020
Đặt cọc thuê văn phòng, quầy hàng	681.500.000	346.500.000
Tổng	681.500.000	346.500.000

11. Vốn chủ sở hữu

a - Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu kỳ	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	97.243.732.598	848.003.984.182
Lãi trong năm nay	-	-	-	9.648.205.411	9.648.205.411
Số dư cuối kỳ	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	106.891.938.009	857.652.189.593

b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/03/2020	01/01/2020
Cổ đông nhà nước - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	67.909.960.000	67.909.960.000
Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần	443.642.740.000	443.642.740.000
Cổ đông khác	167.546.900.000	167.546.900.000
	679.099.600.000	679.099.600.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý I/ 2020	Quý I/ 2019
Doanh thu bán hàng sách và văn hóa phẩm	4.035.317.137	4.616.441.538
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.844.710.208	2.935.375.382
Tổng	6.880.027.345	7.551.816.920
2. Giá vốn hàng bán	Quý I/ 2020	Quý I/ 2019
Giá vốn của hàng bán sách và văn hóa phẩm	2.947.346.423	3.297.946.612
Giá vốn của cung cấp dịch vụ	1.275.134.589	1.236.384.924
	4.222.481.012	4.534.331.536
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý I/ 2020	Quý I/ 2019
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.955.174.826	2.227.006.792
Lãi cho vay	12.341.095.890	12.205.479.452
Lãi do bán các khoản đầu tư	-	53.239.640.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.043.408
Tổng	15.296.270.716	67.673.169.652
4. Chi phí tài chính	Quý I/ 2020	Quý I/ 2019
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.052.683	5.016.380
Chi phí cho hoạt động đầu tư khác	-	(59.625.841)
Tổng	9.052.683	(54.609.461)
5. Chi phí bán hàng	Quý I/ 2020	Quý I/ 2019
Chi phí nhân viên	1.145.025.749	1.081.647.401
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.024.000	22.748.030
Chi phí bảo hành	-	3.421.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.497.260	113.319.079
Chi phí bằng tiền khác	13.541.600	17.112.200
Tổng	1.269.088.609	1.238.248.210

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý I/ 2020	Quý I/ 2019
Chi phí nhân viên quản lý	974.820.634	884.822.980
Chi phí đồ dùng văn phòng	65.824.249	42.273.956
Chi phí khấu hao TSCĐ	251.516.307	252.667.388
Thuế, phí và lệ phí	192.644.098	230.502.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.113.450.133	3.069.910.261
Chi phí bằng tiền khác	34.598.008	17.651.232
Tổng	4.632.853.429	4.497.828.154
7. Thu nhập khác	Quý I/ 2020	Quý I/ 2019
Thu nhập khác	44.020.413	79.248.294
Tổng	44.020.413	79.248.294
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Quý I/ 2020	Quý I/ 2019
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.438.637.330	13.024.639.972
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.438.637.330	13.024.639.972
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý I/ 2020	Quý I/ 2019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ		
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	9.648.205.411	52.063.796.455
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ phiếu phổ thông</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.648.205.411	52.063.796.455
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	67.909.960	67.909.960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	142	767

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	620.311.155	602.573.367
		Tiền thuê đã thu	217.986.949	424.148.706
Công ty TNHH Một thành viên Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	7.722.000	81.099.619
		Tiền đã thu	-	45.872.000
Công ty TNHH Giáo dục và đào tạo VinAcademy	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	19.974.702	
		Tiền đã thu	20.000.000	

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2020 không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 03 năm 2020	Ngày 01 tháng 01 năm 2020
Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà	871.947.796	435.973.898
Công ty TNHH MTV Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền bán sách	38.517.080	30.795.080
			910.464.876	466.768.978

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN

2. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng

Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất của Công ty

Công ty hiện đang sử dụng các lô đất và tài sản trên đất tại 22A và 22B Hai Bà Trưng, 50A Hàng Bài (đều ở thành phố Hà Nội) làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê đất nêu trên đã hết hạn, và Công ty đang thực hiện việc gia hạn các hợp đồng với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại huyện Đông Anh và phố Chùa Hà, Thành phố Hà Nội. Theo chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, Công ty tiếp tục sử dụng hai khu đất này cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý Nhà nước cho hai khu đất này.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Minh

Người lập

Ngày 20 tháng 04 năm 2020



Đặng Xuân Ánh

Kế toán trưởng



Cao Tiến Bình

Tổng Giám đốc